

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 15/2021/DS-ST

Ngày: 02/4/2021.

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lường Văn Tình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đăng Bảy.

2. Ông Nguyễn Quang Liêu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Th Tâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 190/2020/TLST-DS, ngày 13/10/2020, về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXXST-DS, ngày 17 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Xuân Th, sinh năm 1979.

Nơi cư trú: Khu Đ, thị trấn ĐP, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn D, sinh năm 1972. (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Th, xã Th, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

2. *Bị đơn:* + Bà Hà Thị Th1, sinh năm 1967. (Có mặt).

+ Chị Nguyễn Thị Ngọc Tr, sinh năm 1996. (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Khu Đ, thị trấn ĐP, huyện B, huyện B, tỉnh Bình Phước.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Ch, sinh năm 1969. (Có mặt).

Nơi cư trú: Khu Đ, thị trấn ĐP, huyện B, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 12/10/2020, quá trình giải quyết vụ án phía nguyên đơn trình bày:

Bà Trần Thị Xuân Th quen biết vợ chồng ông Ch bà Th1 và chị Tr. Do bà Th1 và chị Tr cần tiền để mở lớp dạy võ thuật cho chị Tr nên ngày 29/10/2019 (AL) bà Th1 cùng chị Tr đến nhà nguyên đơn vay số tiền 230.000.000đ; thỏa thuận mỗi tháng trả 30.000.000đ tiền gốc cho đến khi hết nợ, lãi suất thỏa thuận bằng lời nói là 3%/tháng và trả tất cả tiền lãi vào tháng cuối cùng, khi vay chị Tr viết giấy và bà Th1 cùng chị Tr ký nhận. Tuy nhiên, quá thời hạn trả nợ bà Th1 và chị Tr không trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Th1 và chị Tr liên đới trả số tiền vay gốc là 230.000.000đ và lãi suất tính đến hết ngày 29/10/2020 (sau khởi kiện) $230.000.000đ \times 3\% / \text{tháng} \times 11 \text{ tháng} = 75.900.000đ$, tổng cộng số tiền yêu cầu trả là 305.900.000đ.

Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 09/11/2020 nguyên đơn trình bày: Quá trình Tòa án làm việc, bị đơn Hà Thị Th1 xác nhận sử dụng số tiền vay cho chi tiêu sinh hoạt gia đình, trong đó có ông Nguyễn Ch là chồng bà Th1, không dùng đúng mục đích như thỏa thuận. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Ch phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà Th1 và chị Tr trả số tiền nợ và lãi suất phát sinh. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, yêu cầu trả tổng số tiền gốc là 230.000.000đ; không yêu cầu tính lãi suất vay theo thỏa thuận là 3%/tháng mà yêu cầu bị đơn trả lãi suất theo mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 20%/năm, tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm, không yêu cầu tính lãi suất quá hạn theo thời hạn vay.

*** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Hà Thị Th1 trình bày:** Bà là vợ ông Nguyễn Ch, là mẹ ruột chị Nguyễn Thị Ngọc Tr. Bà quen biết bà Trần Thị Xuân Th và xác nhận còn nợ lại của bà Th số tiền 230.000.000đ là đúng. Tuy nhiên, số tiền nợ trên không phải là tiền mượn mà xuất phát từ việc chơi hụi trong năm 2018 – 2019 mà bà còn thiếu bà Th. Buổi tối ngày 29/10/2019 bà Th nói bà sang nhà chốt nợ nên bà nhờ chị Tr chở bà đến. Tại nhà bà Th hai bên chốt lại số tiền chơi hụi mà bà còn nợ lại là 230.000.000đ, đồng thời thỏa thuận mỗi tháng trả 30.000.000đ và không nhớ trả lãi về sau hay không, nhưng bà Th viết giấy lại ghi là giấy mượn tiền rồi bà Th nhờ chị Tr cùng ký nên chị Tr ký tên trong giấy mượn tiền. Ông Ch không biết việc giao dịch giữa bà với bà Th, nhưng số tiền 230.000.000đ bà đã dùng cho việc trang trải công việc gia đình và chơi hụi nên ông Ch có đồng ý liên đới trả nợ hay không thì tùy thuộc vào ý kiến ông Ch. Đối với chị Tr thì chỉ cũng chỉ đi cùng và ký giấy để phía nguyên đơn tin tưởng, mọi việc vẫn do bà giao dịch và sử dụng nên không cần thiết buộc chị Tr cùng có nghĩa vụ liên đới. Nay nguyên đơn khởi kiện thì bà đồng ý trả lại tiền gốc và lãi, tuy nhiên do hoàn cảnh gia đình hiện nay vô cùng khó khăn nên xin trả mỗi tháng 5.000.000đ, bắt đầu từ tháng 02/2021 cho đến khi hết nợ.

*** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Tr không tham gia làm việc, đối chất, phiên họp, hòa giải và phiên tòa. Qua nội dung bản tự khai ngày 26/11/2020 trình bày:** Ông Nguyễn Ch bà Hà Thị Th1 là cha mẹ ruột

của chị. Ngày 29/10/2019 (AL) có chở mẹ đến nhà bà Trần Thị Xuân Th để chốt tiền hụi. Khi đến nơi chị ngồi ở ngoài sân, lúc sau mẹ và bà Th gọi vào ký vào giấy tờ gì đó nên chị đồng ý ký nhưng không đọc. Sau khi ký xong chị ra ngoài ngồi đợi và chờ mẹ về. Việc chơi tiền hụi giữa mẹ chị với bà Xuân Th chị không biết và không liên quan. Chị không được vay khoản tiền nào nên không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ch trình bày:** Ông là chồng bà Hà Thị Th1, là cha ruột của chị Nguyễn Thị Ngọc Tr, bà Trần Thị Xuân Th ông chỉ quen biết. Ông thống nhất với ý kiến vợ ông về nội dung sự việc chơi hụi và sử dụng tiền. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả thì ông thấy việc buộc cả nhân vợ ông trả hoặc buộc cả vợ chồng trả thì cũng không có gì khác nhau, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định, đồng thời thống nhất với ý kiến của vợ ông là xin nguyên đơn cho trả mỗi tháng vài triệu cho đến khi trả xong. Đối với chị Tr thì ông cho rằng chị Tr chỉ là người chứng kiến, nghĩa vụ trả nợ vẫn là thuộc về bà Th1 hoặc cả vợ chồng ông. Chị Tr đi học nghề trong năm 2018 -2019, trong thời gian này vợ chồng ông vẫn gửi tiền để chị Tr ăn học. Đến đầu năm 2020 chị Tr mới đi làm việc độc lập để tự nuôi sống bản thân.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu ý kiến: Về tố tụng Tòa án thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, đảm bảo thủ tục tố tụng; Về nội dung, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với vợ chồng ông Nguyễn Ch bà Hà Thị Th1, không chấp nhận yêu cầu buộc chị Tr có nghĩa vụ liên đới trả, do nội dung giấy mượn tiền không thể hiện. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Ch bà Hà Thị Th1 phải trả cho nguyên đơn số tiền vay chưa trả và lãi suất phát sinh theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự và phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[1.1] Về yêu cầu trả số tiền gốc 230.000.000đ:

Bị đơn bà Hà Thị Th1 thừa nhận còn nợ của nguyên đơn Trần Thị Xuân Th số tiền 230.000.000đ, nhưng bà cùng với chị Tr cho rằng khoản tiền nợ trên là xuất phát từ tiền chơi hụi còn nợ bà Trần Thị Xuân Th. Chị Tr không tham gia thỏa thuận và không biết nội dung chơi hụi giữa hai bên mà chỉ được yêu cầu cùng ký vào giấy, không đồng ý cùng liên đới trả nợ. Ông Nguyễn Ch đồng ý cùng liên đới trả nợ.

Hội đồng xét xử thấy các bị đơn không đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh các bên có chơi hụi, số tiền còn nợ của nguyên đơn xuất phát từ tiền hụi, phía

nguyên đơn không thừa nhận. Căn cứ nội dung Giấy mượn tiền ngày 29/10/2019 (AL) có nội dung thể hiện bị đơn Hà Thị Th1 vay của nguyên đơn Trần Thị Xuân Th số tiền 230.000.000đ, hẹn mỗi tháng đóng 30.000.000đ, đóng khi nào hết trả tiền lời sau, bắt đầu từ tháng 11/2019, phần cuối cùng có chữ ký tại mục người mượn là Hà Thị Th1 và bên cạnh là con gái Nguyễn Thị Ngọc Tr nên chỉ có căn cứ xác định giao dịch giữa các bên là giao dịch vay tài sản.

Phía bà Th và chị Tr cho rằng nội dung giấy vay không phải do chị Tr viết mà chị Tr chỉ được yêu cầu ký, khi ký không đọc nội dung. Tuy nhiên, các bị đơn không yêu cầu giám định nội dung chữ viết có phải do chị Tr viết ra hay không. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập chị Tr về làm việc nhiều lần nhưng chị Tr không tham gia làm việc, không tham gia đối chất, hòa giải và phiên tòa sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận ý kiến của chị Tr.

Bị đơn bà Th cho rằng không phải là tiền vay, nhưng lại cho rằng sử dụng tổng số tiền nợ trên để sử dụng chi tiêu sinh hoạt chung gia đình, trong đó có cả chị Tr. Phía ông Ch cũng xác nhận trong thời gian năm 2018 – 2019 chị Tr đi học nghề, vợ chồng ông cũng gửi tiền cho chị Tr đi học.

Do các bị đơn không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình nên Hội đồng xét xử chỉ có căn cứ xác định ngày 29/10/2019 âm lịch (tức ngày 25/11/2019 dương lịch) bị đơn bà Th1 và chị Tr đến vay tiền của nguyên đơn Trần Thị Xuân Th số tiền 230.000.000đ, khi vay chị Tr viết giấy rồi cùng bà Th ký nhận. Sau khi vay các bị đơn không Thanh toán cho nguyên đơn theo như thỏa thuận nên đã vi phạm nghĩa vụ Thanh toán theo Điều 466 Bộ luật dân sự nên nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[1.2] Về lãi suất: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất theo thỏa thuận là 3%/tháng, tính đến ngày 29/10/2020. Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật là 1.66%/tháng và tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm 02/4/2021, không yêu cầu tính lãi suất quá hạn. Bị đơn đồng ý theo mức lãi suất của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử thấy lãi suất nguyên đơn yêu cầu trả là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự nên lãi suất khoản vay 230.000.000đ được tính như sau: 230.000.000đ (Lãi trên nợ gốc quá hạn) x 1.66%/tháng x 16 tháng 08 ngày (thời gian chậm trả tính từ ngày 25/11/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm) = 62.106.128đ. Như vậy tổng số tiền gốc và lãi phải trả là 292.106.128đ, làm tròn là 292.106.000đ.

[2] Về nghĩa vụ Thanh toán: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ch có nghĩa vụ liên đới trả số tiền còn nợ. Ông Nguyễn Ch thống nhất theo ý kiến bị đơn bà Th1 về nghĩa vụ liên đới trả nợ, do xác định là nợ chung và sử dụng chung cho sinh hoạt gia đình. Vì vậy, cần buộc ông Ch có nghĩa vụ liên đới trả theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014 là phù hợp.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy

định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp,
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự ; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị Xuân Th đối với bị đơn Hà Thị Th1, Nguyễn Thị Ngọc Tr và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Ch.

Buộc bà Hà Thị Th1 chị Nguyễn Thị Ngọc Tr và ông Nguyễn Ch liên đới trả cho bà Trần Thị Xuân Th tổng cộng số tiền là 292.106.000 đồng (hai trăm, chín mươi hai triệu, một trăm lẻ sáu ngàn đồng).

[2] Về án phí: Buộc bà Hà Thị Th1 chị Nguyễn Thị Ngọc Tr và ông Nguyễn Ch liên đới chịu 14.605.300 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chi cục thi hành án dân sự huyện B hoàn trả lại cho bà Trần Thị Xuân Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.647.500 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 015673 ngày 13/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- CCTHADS huyện B;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lường Văn Tình

